

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH P

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2025/HNGĐ-ST
Ngày 21 tháng 4 năm 2025
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH P

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Viết Anh;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phạm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh P.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị M, sinh năm 1984,

ĐKKHKT: khu 6, xã P, huyện H, tỉnh P.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến L, sinh năm 1979,

ĐKKHKT: khu 6, xã P, huyện H, tỉnh P.

Hiện nay đang ở nước ngoài.

(Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt; anh L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thị M trình bày: chị và anh Nguyễn Tiến L tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 28/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh P. Thời gian đầu sau khi kết

hôn vợ chồng anh chị sống hạnh phúc. Năm 2022 anh L đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Từ đó nay giữa chị M và anh L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng sống xa nhau và bất đồng quan điểm sống. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị M đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Tiến L.

Về con chung: chị Trần Thị M xác định vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 25/4/2002 và cháu Nguyễn Hồng V, sinh ngày 23/11/2004. Hiện nay các con chung đều đã thành niên nên chị Trần Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: chị Trần Thị M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị Trần Thị M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị Trần Thị M xin tự nguyện chịu toàn bộ.

Chị Trần Thị M đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt mình.

- Phía bị đơn anh Nguyễn Tiến L hiện nay đang ở nước ngoài, chị M trình bày chị không biết địa chỉ cụ thể của anh L ở Đài Loan nên chị không thể cung cấp địa chỉ hiện nay của anh L cho Tòa án được. Chị M đề nghị Tòa án xác K địa chỉ của anh L ở Đài Loan thông qua mẹ đẻ của anh L là bà Trịnh T.

Thân nhân của anh Nguyễn Tiến L - bà Trịnh T trình bày: bà là mẹ đẻ của anh Nguyễn Tiến L, hiện tại bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh L qua điện thoại nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của anh L ở chỗ nào tại Đài Loan vì anh L không nói cho bà biết. Do vậy, bà không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh L tại Đài Loan cho Tòa án. Bà T từ chối nhận thay anh L các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết ly hôn với chị M tại Tòa án. Về việc chị M nộp đơn khởi kiện ly hôn với anh L bà T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Trần Thị M được ly hôn anh Nguyễn Tiến L. Về con chung, tài sản, công nợ chung: không đặt ra xem xét. Về án phí: chị Trần Thị

M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn chị Trần Thị M nộp đơn xin ly hôn anh Nguyễn Tiến L tại Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ. Trong đơn xin ly hôn, chị M trình bày hiện nay anh L đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài. Tại văn bản số 1195/QLXNC-Đ1 ngày 08/10/2024 của Phòng quản lý xuất nhập cảnh - Công an tỉnh P đã xác nhận anh L đã xuất cảnh và hiện chưa nhập cảnh về Việt Nam. Căn cứ khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P.

Trong vụ án này anh L không có mặt ở Việt Nam và chị M đã có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2, 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy, Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị M đề nghị xin ly hôn với anh L và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng của anh L tại Việt Nam là khu 6, xã P, huyện H, tỉnh P mà không cung cấp được địa chỉ cụ thể của anh L ở nước ngoài cho Tòa án được. Tòa án đã làm việc thông qua mẹ đẻ của anh L - bà Trịnh T cung cấp thông tin: hiện tại bà vẫn thường xuyên liên lạc với anh L nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của anh L ở đâu tại Đài Loan. Do vậy, bà không thể cung cấp được địa chỉ cụ thể hiện nay của anh L tại Đài Loan cho Tòa án được. Bà T từ chối nhận thay anh L các văn bản tố tụng của Tòa án liên quan đến việc giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Mai và anh L. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai, đầy đủ các văn bản tố tụng của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán - Tòa án nhân dân Tối cao về việc hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình và Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn là người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ, xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Chị M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ vào điểm b, khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M, anh L.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M và anh Nguyễn Tiến L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh P vào ngày 28/12/2001. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống chị M và anh L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Mặc dù đã được gia đình hai bên khuyên ngăn nhưng vợ chồng anh chị vẫn không tìm được tiếng nói chung. Hội đồng xét xử thấy rằng chị M và anh L đã không còn chung sống cùng với nhau, vợ chồng sống xa nhau đã một thời gian dài, không có sự quan tâm chia sẻ trong cuộc sống gia đình nên phát sinh nhiều mâu thuẫn. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên việc chị M đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với anh L là có căn cứ phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó đề nghị xin ly hôn của chị M được chấp nhận.

- Về con chung: chị M và anh L có hai con chung là cháu Nguyễn Văn K, sinh ngày 25/4/2002 và cháu Nguyễn Hồng V, sinh ngày 23/11/2004. Hiện nay các con chung đều đã thành niên nên chị Trần Thị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét thấy cháu K và cháu V đều đã trưởng thành, có đủ khả năng lao động tự túc, do đó không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: chị M xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: chị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2, 4 Điều 207; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1, 2 Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị M.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Tiến L.

[2] Về con chung: không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị M phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Trần Thị M (do anh Trần Đức K nộp thay) đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000406 ngày 25/10/2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh P.

[5] Về quyền kháng cáo đối với Bản án: chị Trần Thị M có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ. Thời hạn kháng cáo của anh Nguyễn Tiến L là 01 (một) tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- Cục THADS tỉnh P;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Viết Anh